



Ký bởi: Ủy ban
nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 827/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định Danh mục 956 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (kèm theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3), gồm:

- Danh mục 742 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành (*Phụ lục 1*);

- Danh mục 153 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (*Phụ lục 2*);

- Danh mục 61 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (*Phụ lục 3*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1127/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.



Giao các sở, ban, ngành căn cứ Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý về ngành, lĩnh vực đã được công bố tại Quyết định này chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh xây dựng quy trình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nội dung từng thủ tục hành chính; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm soát chất lượng dự thảo trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC – VP Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP (N,V), KSTTHC, TTHCC, Th;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm

Phụ lục 2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực quản lý giao thông		
1.	1. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý)	Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải/UBND cấp huyện/UBND cấp xã/các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương
2.	2. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý)	nt
II. Lĩnh vực Viễn thông và Internet		
3.	1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông/UBND cấp huyện tỉnh Bình Dương.
4.	2. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	nt
5.	3. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	nt
6.	4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	nt

		hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
III. Lĩnh vực Xuất bản			
7.	1.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông/UBND cấp huyện tỉnh Bình Dương.
8.	2.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	nt
IV. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			
9.	1.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương
10.	2.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	nt
11.	3.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	nt
12.	4.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	nt
13.	5.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	nt
14.	6.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở	nt
V. Lĩnh vực quản lý nhà nước về Hội			
15.	1.	Công nhận Ban Vận động thành lập	Quyết định số 1556/QĐ-UBND

		Hội	ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
16.	2.	Thành lập Hội	nt
17.	3.	Phê duyệt Điều lệ Hội	nt
18.	4.	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội	nt
19.	5.	Đổi tên Hội	nt
20.	6.	Hội tự giải thể	nt
21.	7.	Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường của hội	nt

VI. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng

22.	1.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
23.	2.	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	nt
24.	3.	Tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa	nt
25.	4.	Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	nt
26.	5.	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	nt
27.	6.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	nt
28.	7.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện thành tích đợt xuất	nt

29.	8.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	nt
VII. Lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo			
30.	1.	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
31.	2.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	nt
32.	3.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	nt
33.	4.	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	nt
34.	5.	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	nt
35.	6.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	nt
36.	7.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	nt
37.	8.	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn	nt

		một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
VIII. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh			
38.	1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Quyết định 1359/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBND cấp huyện/UBND cấp xã và các cơ quan khác tỉnh Bình Dương.
39.	2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	nt
40.	3.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	nt
41.	4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	nt
42.	5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	nt
IX. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã			
43.	1.	Đăng ký hợp tác xã	Quyết định 1359/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBND cấp huyện/UBND cấp xã và các cơ quan khác tỉnh Bình Dương.
44.	2.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt
45.	3.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	nt
46.	4.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	nt

47.	5.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	nt
48.	6.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	nt
49.	7.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	nt
50.	8.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	nt
51.	9.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	nt
52.	10.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	nt
53.	11.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	nt
54.	12.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	nt
55.	13.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt
56.	14.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	nt
57.	15.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	nt
58.	16.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt
59.	17.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt
60.	18.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	nt
61.	19.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	nt

X. Lĩnh vực đấu thầu

62.	1.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	Quyết định 1359/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBND cấp huyện/UBND cấp xã và các cơ quan khác tỉnh Bình Dương.
63.	2.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	nt
64.	3.	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	nt
65.	4.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	nt
XI. Lĩnh vực đất đai			
66.	1.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.
67.	2.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi thay đổi tài sản gắn liền với đất	nt
68.	3.	Đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	nt
69.	4.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	nt
70.	5.	Chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	nt

71.	6.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	nt
72.	7.	Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Đăng ký, xóa cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất	nt
73.	8.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; <i>đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.</i>	nt
74.	9.	Đăng ký biến động do đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích, số hiệu, địa chỉ thửa đất hoặc thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất hoặc thay đổi về nghĩa vụ tài chính hoặc thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	nt
75.	10.	Đăng ký xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	nt
76.	11.	Tách thửa, hợp thửa đất	nt



77.	12.	Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ	nt
78.	13.	Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng bị mất	nt
79.	14.	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp	nt
80.	15.	Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	nt
81.	16.	Chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng,	nt
82.	17.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	nt
83.	18.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân	nt

		cur đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	
84.	19.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	nt
85.	20.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế.	nt
86.	21.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	nt
87.	22.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	nt
88.	23.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	nt
89.	24.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	nt

XII. Lĩnh vực môi trường

90.	1.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã
91.	2.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	nt

XIII. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

92.	1.	Đăng ký thi công cải tạo mặt bằng trong diện tích đất được giao	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã
XIV. Lĩnh vực Tài nguyên nước			
93.	1.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã
94.	2.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng trên 10m ³ /ngày đêm đến dưới 20m ³ /ngày đêm	nt
95.	3.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng trên 10m ³ /ngày đêm đến dưới 20m ³ /ngày đêm	nt
96.	4.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	nt
97.	5.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng trên 10m ³ /ngày đêm đến dưới 20m ³ /ngày đêm	nt
98.	6.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng trên 10m ³ /ngày đêm đến dưới 20m ³ /ngày đêm	nt
99.	7.	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	nt
100.	8.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã	nt

		đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	
101.	9.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình lưu lượng trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 20m ³ /ngày đêm	nt
102.	10.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình lưu lượng trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 20m ³ /ngày đêm	nt

XV. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng

103.	1.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương
104.	2.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	nt
105.	3.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	nt
106.	4.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	nt

XVI. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước

107.	1.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương
108.	2.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	nt

109.	3.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	nt
110.	4.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	nt
111.	5.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	nt
112.	6.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	nt
113.	7.	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
114.	8.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
115.	9.	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nt
116.	10.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Dương
117.	11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	nt
118.	12.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	nt
XVII. Lĩnh vực Kiểm lâm			
119.	1.	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	Quyết định số 1370/QĐ-UBND, ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở



			Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
120.	2.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	nt
121.	3.	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	nt
122.	4.	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	nt
123.	5.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã đầu tư	nt
124.	6.	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	nt
125.	7.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	nt
126.	8.	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	nt
127.	9.	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện	nt
128.	10.	Đóng dấu búa kiểm lâm	nt
129.	11.	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	nt

XVIII. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

130.	1.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Quyết định số 1370/QĐ-UBND, ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
131.	2.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản	nt
132.	3.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	nt
133.	4.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên trên chứng nhận).	nt

XIX. Lĩnh vực Người có công

134.	1.	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương
------	----	--	---

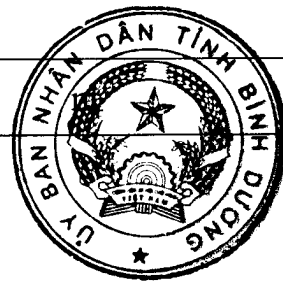
XX. Lĩnh vực Lao động, tiền lương – Bảo hiểm xã hội

135.	1.	Thủ tục gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.	Quyết định 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội/UBND cấp
------	----	--	--

			huyện/UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương
XXI. Lĩnh vực Hành chính tư pháp			
136.	1.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
137.	2.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	nt
138.	3.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	nt
XXII. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
139.	1.	Gia hạn giấy phép xây dựng	Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/UBND cấp huyện/UBND cấp xã
XXIII. Lĩnh vực Văn hóa			
140.	1.	Đăng ký tổ chức lễ hội	Về việc công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã
141.		Thông báo tổ chức lễ hội	nt
XXIV. Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm			
142.	1.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT	Quyết Định 1597/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Y

		ngày 11 tháng 12 năm 2014	tế/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị y tế khác tỉnh Bình Dương
143.	2.	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	nt
XXV. Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo			
144.	1.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Bình Dương
145.	2.	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	nt
146.	3.	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	nt
147.	4.	Tiếp công dân tại cấp huyện	nt
148.	5.	Xử lý đơn tại cấp huyện	nt
XXVI. Lĩnh vực phòng chống tham nhũng			
149.	1.	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Bình Dương
150.	2.	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	nt
151.	3.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	nt
152.	4.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	nt

153.	5.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	
------	----	-----------------------------------	--



Phụ lục 3
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực quản lý giao thông		
1.	1.	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)
		Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải/UBND cấp huyện/UBND cấp xã/các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương
2.	2.	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).
		nt
II. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		
3.	1.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
		Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương
III. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng		
4.	1.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
		Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
5.	2.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt
		nt



		hoặc chuyên đề	
6.	3.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	nt
7.	4.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa	nt
8.	5.	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	nt
IV. Lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo			
9.	1.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
10.	2.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	nt
11.	3.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	nt
12.	4.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	nt
13.	5.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	nt
14.	6.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	nt
15.	7.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	nt
16.	8.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	nt
17.	9.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	nt

18.	10.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	nt
V. Lĩnh vực đấu thầu			
19.	1.	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	Quyết định 1866/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương
20.	2.	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	nt
21.	3.	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	nt
22.	4.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	nt
23.	5.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	nt
24.	6.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	nt
25.	7.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	nt
26.	8.	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	nt
27.	9.	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	nt
28.	10.	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	nt

29.	11.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	nt
30.	12.	Phê duyệt danh sách ngắn	nt
31.	13.	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	nt
32.	14.	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	nt
33.	15.	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	nt
34.	16.	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	nt
35.	17.	Làm rõ hồ sơ dự thầu	nt
36.	18.	Mở thầu	nt
37.	19.	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	nt
38.	20.	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	nt
39.	21.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	nt
VI. Lĩnh vực môi trường			
40.	1.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã
41.	2.	Tham vấn ý kiến về đề án bảo vệ môi trường chi tiết	nt
42.	3.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	nt

43.	4.	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường	nt
VII. Lĩnh vực Tài nguyên nước			
44.	1.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã
VIII. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng			
45.	1.	Cấp giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã
46.	2.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	nt
47.	3.	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	nt
IX. Lĩnh vực Lâm nghiệp			
48.	1.	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Quyết định số 1370/QĐ- UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã
X. Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội			

49.	1.	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương
XI. Lĩnh vực Hành chính tư pháp			
50.	1.	Đăng ký giám hộ	Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
51.	2.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	nt
52.	3.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch tại UBND cấp xã	nt
XII. Lĩnh vực Dân tộc			
53.	1.	Bình chọn xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
XIII. Lĩnh vực khiếu nại – tố cáo			
54.	1.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Bình Dương
55.	2.	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	nt
56.	3.	Tiếp công dân tại cấp xã	nt

57.	4.	Xử lý đơn tại cấp xã	nt
XIV. Lĩnh vực phòng chống tham nhũng			
58.	1.	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Bình Dương
59.	2.	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	nt
60.	3.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	nt
61.	3.	Thực hiện việc giải trình	nt